

LẠI BÀN VỀ VẤN ĐỀ THỂ LOẠI TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI TRUNG ĐẠI

Nguyễn Phạm Hùng^(*)

1. Về tên gọi và quan niệm thể loại trong văn học Việt Nam thời trung đại

Thể loại văn học (genre litteraire) là khái niệm không tuyệt đối thống nhất về tên gọi và quan niệm giữa các nhà nghiên cứu khác nhau, trong các nền văn học khác nhau, cũng như trong các giai đoạn lịch sử khác nhau của một nền văn học.

Ở Trung Quốc, từ thời cổ, Lưu Hiệp đã định danh, định nghĩa và phân tích đặc trưng của 20 "văn thể" khác nhau của Trung Quốc cổ là: *biện tạo, kinh thi, nhạc phủ, huyền phú, tụng tán, chúc minh, minh châm, lỗi bi, ai điệu, tạp văn, hài ẩn, sử truyện, luận thuyết, chiếu sách, hịch di, phong thiện, chương biểu, tấu khải, nghị đối* và *thư ký* [5].

Sau này, Diêu Nại định danh, định nghĩa, phân loại, và nêu đặc trưng của 13 "văn thể" khác nhau là: Luận biện, tấu nghị, tự bạt, thư thuyết, tặng tự, chiếu lệnh, truyện trạng, bi chí, tạp ký, châm minh, tụng tán, từ phú và ai tế [12]. Trong mỗi một "văn thể" lại bao gồm các "thể", tồn tại tương đối độc lập. Nhìn chung các cách phân chia và định nghĩa nêu trên đều căn cứ vào "chức năng thể loại".

Vương Lực lại đưa ra một cách định danh và phân loại thể loại khác, lấy căn cứ là "vần" và "đối", chia các "văn thể" cổ đại Trung Quốc làm ba loại:

(1) Loại có vần (vận văn), gồm các thể: từ phú, tụng tán, châm minh, bi chí, ai tế.

(2) Loại không có vần (tản văn), gồm các thể: luận biện, tự bạch, tấu nghị, thư thuyết, tặng tự, chiếu lệnh, truyện trạng.

(3) Loại biên văn, bắt đầu hình thành từ đời Hán [7].

Thể loại văn học Trung Quốc cổ được gọi tên là các "văn thể", được xác định dựa vào cả "chức năng thể loại", và cả hình thức tổ chức ngôn ngữ (vần đối). Song phần lớn các trường hợp, người ta chỉ căn cứ vào chức năng thể loại mà thôi.

Ở Việt Nam, tới khoảng thế kỷ XVIII - XIX mới xuất hiện những bộ sách bàn về thể loại văn học như *Vân đài loại ngữ* [4] của Lê Quý Đôn, *Lịch triều hiến chương loại chí* [3] của Phan Huy Chú. Theo truyền thống Trung Hoa, các công trình này vẫn dùng các khái niệm "văn thể", hay "thể" để chỉ thể loại văn học. Song ngay từ khi con người sáng tác văn học, người ta đã ý thức về thể loại văn học. Người xưa làm văn bị chi phối bởi thể loại là chính chứ không bị chi phối bởi các phương pháp, trào lưu. Các nhà văn,

^(*) TS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

nhà thơ cổ gọi tên sáng tác của mình theo thể loại, đặt tên tác phẩm của mình theo thể loại, như *Dụ chư tỳ tướng hịch văn*, *Bạch Đằng giang phú*, *Bình Ngô đại cáo*, *Kim Vân Kiều truyện*, *Thượng kinh ký sự*. v.v...

Các nhà văn học cổ rất ý thức phân loại văn học theo thể loại để nhận thức như việc Lý Tế Xuyên xếp các tác phẩm ghi chép về các thần linh được thờ cúng ở nước Việt vào cùng loại trong *Việt điện u linh*, Trần Thế Pháp xếp các truyện quái lạ ở cõi Linh Nam trong *Linh Nam chí quái*, Dương Đức Nhan xếp các bài thơ luật tiêu biểu của mọi nhà trong *Tinh tuyển chư gia luật thi*, Hoàng Đức Lương xếp các bài thơ ngôn tình đẹp đẽ trong *Trích diễm thi tập*, Lương Nhữ Hộc xếp các bài chế từ cổ kim trong *Cổ kim chế từ tập*, Lê Quý Đôn xếp thơ ca các đời trong *Toàn Việt thi lục*, Dương Bá Cung xếp thơ Nôm Nguyễn Trãi vào *Quốc âm thi tập*.v.v...

Trong thời hiện đại, các nhà nghiên cứu cũng rất có ý thức về việc này. Họ sắp xếp các tác phẩm văn học cổ cùng loại vào các hợp tuyển hay tuyển tập văn học, là do động lực nhận thức thẩm mỹ đối với tác phẩm. Đó là các tuyển tập phú, truyện thơ khúc ngâm trữ tình, truyện thơ nôm, văn tế, tuồng, ca trù...

Việc tìm hiểu thể loại luôn là nhiệm vụ của người nghiên cứu văn học. Phó giáo sư Bùi Duy Tân [13] đưa ra hai căn cứ để xác định thể loại văn học cổ.

Thứ nhất căn cứ vào "phương thức phản ánh", ông chia ra ba nhóm thể loại:

- (1) Các thể loại trữ tình
- (2) Các loại tự sự.
- (3) Các thể loại chính luận.

Thứ hai, căn cứ vào "thể văn", ông chia ra:

- (1) Các thể loại thơ.
- (2) Các thể loại văn vần và biến ngẫu.
- (3) Các thể loại văn xuôi.

Trong đó, tên gọi thường đặt theo cách của quá khứ: Từ, phú, khúc, ngâm, văn, thực lục, hịch, văn tế, biểu, thư, sớ, tấu...

Giáo sư Nguyễn Huệ Chi [1] dựa trên những đặc điểm "về nghệ thuật cũng như về phương thức biểu hiện" để chia văn học thành những thể loại khác nhau: Trong đó, cách gọi tên cũng theo cách gọi của thời quá khứ: *Phú, hịch, cáo, chiếu, biểu, tấu, truyện, văn bia*....

Trong một số trường hợp các nhà nghiên cứu đã sử dụng những tên gọi hiện đại đối với các thể loại văn học cổ như: Thơ trữ tình, thơ tự sự, ký trữ tình, truyện thơ, thơ trường thiên lịch sử, truyện cười, truyện ngụ ngôn... Hay: Thơ suy lý, văn bình luận, văn thư tín, luận thuyết tôn giáo...

Đặc trưng thể loại ở các thời đại khác nhau là khác nhau. Các nhà nghiên cứu sau khi đặt những tên gọi hiện đại cho thể loại văn học cổ, đã không gán cho nó những

phẩm chất và đặc điểm của thể loại hiện đại, không dùng những thang giá trị hiện đại áp đặt máy móc cho thể loại văn học quá khứ. Tên gọi "thể loại" được sử dụng ở đây là một khái niệm hiện đại. Song nó có thể tìm thấy sự gần gũi về ý nghĩa với các khái niệm "văn thể" của thời quá khứ. Mỗi thời đại có một quan niệm riêng về thể loại. Lưu Hiệp, Diêu Nại căn cứ vào nội dung chức năng mà xác định thể loại. Vương Lực căn cứ vào hình thức tổ chức ngôn ngữ (vần đối) mà xác định thể loại. Các nhà nghiên cứu Việt Nam cổ hoặc căn cứ vào hình thức, hoặc căn cứ vào nội dung mà xác định thể loại.v.v.

Thực ra, thể loại văn học không bao giờ là câu chuyện thuần túy hình thức. Nó còn là câu chuyện của nội dung, mà như cách đánh giá của M.B. Bakhtin, thể loại là sự nhận thức siêu cá thể về thế giới của con người, mang tâm thức, tầm nhìn, thái độ, tâm trạng, cách ứng xử của con người trước cuộc sống [11]. Thể loại văn học bao giờ cũng mang tính dân tộc và tính lịch sử cụ thể. Thật khó tìm được một định nghĩa duy nhất về thể loại trong văn học trung đại có thể tranh thủ được sự đồng tình của tất cả các nhà nghiên cứu. Các quan niệm luôn luôn mang nặng dấu ấn chủ quan. Vì vậy, chúng tôi chỉ xin tạm hiểu như sau: *Thể loại văn học là những cách thức tổ chức ngôn từ thành những hình thức nghệ thuật riêng biệt, có chức năng khác nhau, nhằm thể hiện cách nghĩ, cách cảm, tâm trạng, thái độ khác nhau của con người trước cuộc sống.*

2. Vai trò của thể loại trong việc nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại

Thể loại văn học có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại. Thông qua quá trình tiếp thu, chuyển hoá, hình thành và phát triển của hệ thống thể loại văn học, người ta có thể hình dung được phần nào diện mạo của lịch sử văn học. Dưới đây chúng tôi xin phác hoạ một vài nét chính trong sự vận động của hệ thống thể loại trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại.

2.1. Văn học giai đoạn thế kỷ X - XV chủ yếu tiếp thu các thể loại văn học của Trung Quốc. Đặc biệt đối với thời Lý Trần, thế kỷ X - XIV, toàn bộ các thể loại văn học hiện còn lại cho đến nay đều là tiếp thu Trung Quốc: *Thơ Thiền, thơ trữ tình, thơ tự sự, phú, hịch, chiếu, chế, biểu, tấu, thư tìn, ngữ lục, luận thuyết tôn giáo, văn bia, sử ký, truyện...* Những tác phẩm văn Nôm còn lại cũng đều ít nhiều ảnh hưởng thể loại Trung Quốc, ví như bốn bài phú Nôm thời Trần của Trần Nhân Tông, Huyền Quang, Mạc Đĩnh Chi. Nói rằng toàn bộ thể loại văn học Lý Trần đều tiếp thu Trung Quốc là nói về hình thức thể loại. Còn nội dung thể loại lại mang dấu ấn dân tộc và thời đại rõ rệt. Nội dung chức năng và phương tiện biểu cảm của thể loại có những biến thái nhất định so với Trung Quốc. Các thể loại văn học Lý Trần thường mang tính chức năng cao, và thường phục vụ trực tiếp yêu cầu cuộc sống như hành đạo, chống xâm lăng, xây dựng đất nước, nội trị, ngoại giao, nghi thức giao tiếp quan phương hay thế tục...

Thể loại văn học Lý Trần còn thể hiện sâu sắc tính chất "văn sử triết bất phân". Trong một văn bản tác phẩm tồn tại nhiều giá trị khác nhau của "văn - sử - triết". Tính

nguyên hợp của thể loại chính là phản ánh tính nguyên hợp của tư duy con người trong nhận thức và lý giải thế giới bằng nghệ thuật.

Văn học thế kỷ XV tuy là sự tiếp tục của văn học Lý Trần, nhưng cũng lại là văn học “giao thời”. Nó vừa mang những đặc điểm của văn học Lý Trần, vừa có mầm mống của văn học giai đoạn sau. Có thể xem đây là thế kỷ thể nghiệm của ngôn ngữ và thể loại văn học theo xu hướng dân tộc. Các thể loại văn học chữ Hán của thế kỷ XV vẫn tiếp thu của Trung Quốc. Bên cạnh những thể loại vốn có của thời Lý Trần, văn học thế kỷ XV đóng góp thêm những thể loại văn học tiêu biểu khác, như *văn cáo* và *văn luận chiến bang giao*.

Thế kỷ XV rất phổ biến - có người cho rằng đó là sự thể nghiệm - thể thơ tiếng Việt đầu tiên. Đó là thể thơ “thất ngôn xen lục ngôn” được Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và các thi sĩ cung đình trong Hội Tao đàn sử dụng rất thành công. Đây là thể thơ được hình thành trên cơ sở của thơ thất ngôn luật Trung Quốc [2]. Nó có thể ra đời ở thời Trần, được các tác giả như Nguyễn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố, Chu Văn An, Hồ Quý Ly... sử dụng. Nó cũng có thể là một luật thơ của người Việt, mà người đời sau gọi là “Hàn luật”. Song tiếc rằng không còn cứ liệu để khảo sát.

Xét về mặt thể loại văn học, giai đoạn thế kỷ X - XV về cơ bản không có quá trình hình thành và phát triển thể loại, mà chỉ có quá trình *tiếp thu, ứng dụng* các thể loại của Trung Quốc vào thực tiễn sáng tác Việt Nam. Quá trình ứng dụng này nhằm phục vụ trực tiếp các yêu cầu của cuộc sống và phục vụ nhu cầu phô diễn đời sống tinh thần của tầng lớp xã hội bên trên. Từ thời Trần, và nhất là từ thế kỷ XV, sự xuất hiện và phát triển của thơ Nôm “thất ngôn xen lục ngôn” đã làm xôn xao bộ mặt văn học đương thời, báo hiệu một tương lai không xa các thể loại văn học tiếng Việt sẽ chiếm lĩnh những địa vị trọng yếu trên văn đàn dân tộc.

Tính chất “giao thời” của văn học có lẽ phải kéo dài hết thế kỷ XVI, khi mà các thể loại và ngôn ngữ văn học Hán vẫn có địa vị quan trọng, đồng thời các thể loại và ngôn ngữ văn học Nôm bắt đầu xác lập được địa vị không thể thiếu của mình.

2.2. Giai đoạn thế kỷ XVI - XIX diễn ra song song hai mảng văn học Hán và Nôm, có sự lựa chọn cả về phương pháp nghệ thuật và nội dung phản ánh. Văn học chữ Hán có tính quan phương, chính thống, tiếp tục phản ánh đời sống của tầng lớp bên trên, bên cạnh đó là văn học chữ Nôm với tính bình dân, thông tục, phản ánh chủ yếu đời sống của tầng lớp bên dưới, hoặc các tâm trạng cá nhân.

Các thể loại văn học chữ Hán được tiếp thu của Trung Quốc vẫn tiếp tục tồn tại và phát huy tác dụng. Song so với giai đoạn trước, vai trò của chúng giảm đi rõ rệt. Một số thể loại vốn rất quan trọng trước đây đã bị gạt ra ngoài rìa của hệ thống văn học, hoặc chỉ chiếm giữ một địa vị khiêm tốn trong một thời gian và một không gian nào đó. Vai trò của chiếu, chế, biểu, tấu, tiểu truyện nhân vật... bị giảm đi rõ rệt so với trước. Thơ trữ tình chữ Hán vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển trong tình hình mới, song không phải bao giờ cũng đạt tới trình độ đặc sắc có thể tiêu biểu cho một thời đại như ở thời

Trần. Nó chỉ có vai trò góp phần làm nên thành công của từng tác giả văn học. Hơn nữa, tư tưởng nghệ thuật của nó cũng biến chuyển theo chiều hướng thông tục hoá. Do tính chức năng của văn học bị giảm sút, do quan niệm “văn - sử - triết bất phân” không chi phối chặt chẽ, cho nên nhiều thể loại văn học chữ Hán đã bị gạt ra ngoài rìa hệ thống văn học, và có khi không còn được xem là thuộc về văn học nữa, như : sử, luận thuyết tôn giáo, triết học, các luận văn cải cách xã hội...

Con người thời này vẫn có nhu cầu to lớn trong sáng tác văn học bằng thể loại và ngôn ngữ Hán. Song ngoài thơ chữ Hán là thể loại có tính “xuyên suốt”, hàng loạt thể loại văn học mới đã xuất hiện, phục vụ nhu cầu thẩm mỹ mới, đáp ứng trình độ cao hơn về tư duy nghệ thuật cũng như những đòi hỏi mới của lịch sử. Trong suốt giai đoạn văn học này, ngoài những thể loại đã xác lập được vị trí trước đây trong lịch sử văn học, có lẽ chỉ có vài thể loại văn học chữ Hán tiêu biểu, như *truyện truyền kỳ*, *tiểu thuyết chương hồi*, *ký sự*...

Nhưng thể loại văn học Trung Quốc không hoàn toàn mất vai trò trong nền văn học Việt Nam cổ. Nó có những biến thái khác đi để tồn tại phù hợp với điều kiện sống mới. Biến thái rõ rệt nhất của thể loại văn học Trung Quốc là ở chỗ: Nó thay đổi *chất liệu nghệ thuật, chức năng nghệ thuật, và nội dung phản ánh*. Tiêu biểu trong số đó là : Thơ Nôm Đường luật, phú Nôm, văn tế Nôm....

Thơ Nôm Đường luật hầu như giữ nguyên thi luật Trung Hoa, nhưng dùng ngôn ngữ văn học Nôm, diễn tả đời sống thông tục của con người, phục vụ việc phô diễn tư tưởng, tình cảm có tính cá nhân hàng ngày. Các tác gia tiêu biểu như Bà huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương...

Phú Nôm sử dụng các thể phú Trung Quốc, nhưng dùng chữ Nôm, phô diễn đời sống thông tục, cá nhân, sống động hàng ngày. Các tác gia tiêu biểu như Phạm Thái, Nguyễn Huy Lượng, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát...

Văn tế Nôm có sự đóng góp quan trọng của văn luật Trung Hoa qua các sáng tác bất hủ của Phạm Thái (*Văn tế Trương Quỳnh Như*), Nguyễn Du (*Văn tế thập loại chúng sinh*, *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu*), Nguyễn Đình Chiểu (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế Trương Định*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh*)...

Văn luật, thi luật Trung Hoa vẫn được các nhà văn Việt Nam tiếp thu chủ động để tạo nên những thể loại văn học tiêu biểu nhất của giai đoạn văn học này.

Trên đây là xét về những thể loại văn học Việt Nam được tạo ra dựa trên thi luật văn luật Trung Hoa. Còn có một dạng khác, là những thể loại hoàn toàn do người Việt sáng tạo, nhưng thi luật Trung Hoa vẫn có vai trò to lớn, như khúc ngâm trữ tình, hay kịch bản tuồng, chèo, hát. Chúng ta thường nhắc tới hiện tượng ngắt nhịp phổ biến của cặp câu “song thất” của thơ “song thất lục bát” là nhịp 3/4. Cách ngắt nhịp này cơ người xem là “của riêng người Việt”. Song thực ra, cách ngắt nhịp 3/4 (và nhiều cách ngắt nhịp khác) là cách ngắt nhịp khá phổ biến của cặp câu “song thất” trong phú Trung Quốc, trong văn biên ngẫu Trung Quốc nói chung. Hơn nữa, những khúc ngâm

Việt Nam đều ít nhiều có ảnh hưởng của từ khúc, ca bản Trung Hoa. Còn về kịch bản tuồng, rõ ràng là ảnh hưởng rất nhiều của kịch bản sân khấu Trung Quốc thời trung đại.

Vai trò rõ rệt nhất của thể loại văn học chữ Hán của Trung Quốc ở giai đoạn văn học này phải kể tới truyện truyền kỳ (với *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, *Truyện kỳ tân phả* của Đoàn Thị Điểm, *Lan tri kiến văn lục* của Vũ Trinh), tiểu thuyết chương hồi (với *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô Gia Văn Phái), ký sự (với *Thượng kinh ký sự* của Lê Hữu Trác). Đó là những thể loại văn học tiêu biểu mà ở giai đoạn văn học trước chưa có, hoặc mới chỉ manh nha.

2.3. Nói đến thể loại văn học giai đoạn thế kỷ XVI - XIX, không thể không nói tới những thể loại do người Việt tự sáng tạo. Nếu như giai đoạn đầu, văn học Việt Nam chủ yếu là *tiếp thu và ứng dụng* thể loại chữ Hán của Trung Quốc, thì giai đoạn này chủ yếu là *sáng tạo* thể loại văn học chữ Nôm của người Việt. Quá trình sáng tạo thể loại của Việt Nam giai đoạn này diễn ra rất đa dạng, phong phú. Ngoài việc làm biến thái những thể loại văn học chữ Hán có sẵn của Trung Quốc, là sự vận dụng thi luật, văn luật Trung Hoa vào sáng tác văn học chữ Nôm, và cuối cùng, là sự tự sáng tạo hình thức nghệ thuật của riêng mình. Đó là một sự trưởng thành vượt bậc của tư duy nghệ thuật của người Việt.

Những biến chuyển về mặt hình thức thể loại văn học tiếng Việt là một chặng đường liên tục, bắt đầu từ thế kỷ XIII. Sự biến chuyển về kết cấu thể loại nhìn chung rất chậm chạp, như kết cấu "gặp gỡ - tai biến - hội ngộ" của truyện thơ, kết cấu dòng tâm trạng "hiện tại - quá khứ - hiện tại" của khúc ngâm, kết cấu "tứ tuyệt" hay "bát cú" của thơ thất ngôn xen lục ngôn... Sự biến chuyển đáng kể nhất có lẽ là về mặt *câu thơ, câu văn*.

Trong thơ ca chữ Hán, ngay từ thời Lý Trần, so với thơ Trung Quốc, đã có những trường hợp *riêng lẻ*, đi chệch ra khỏi *nhịp, vần, thanh luật* của thơ Trung Quốc, nhưng không làm thành câu thơ tiếng Việt, câu thơ của riêng người Việt. Bởi vì ngay trong thơ Trung Quốc cũng có những trường hợp đi chệch như thế.

Song đối với *câu thơ, câu văn* chữ Nôm, thì hiện tượng khác biệt với câu thơ, câu văn chữ Hán Trung Quốc là rõ rệt. Nó trở thành *luật*. Ví như thơ "Hàn luật" thời Trần, thơ "thất ngôn xen lục ngôn" thế kỷ XV - XVI, thơ "lục bát", "song thất lục bát" thế kỷ XVIII-XIX..., đã được cố định thành luật thơ Việt.

Nói tới hình thức thể loại Việt Nam chủ yếu là nói tới *thi luật, văn luật* Việt Nam. Các hình thức thể loại văn học của riêng người Việt chủ yếu được xây dựng trên cơ sở của câu thơ, câu văn tiếng Việt như "thất ngôn xen lục ngôn", "lục bát", "song thất lục bát", "hát nói", hay "câu văn nói". Đó là việc dùng *câu thơ, câu văn* Việt Nam trong các cách tổ chức thể loại. Ví dụ như việc lựa chọn và sử dụng câu thơ "lục bát" trong sáng tạo nên thể loại truyện thơ, diễn ca lịch sử,... việc lựa chọn và sử dụng thơ "song thất lục bát" để sáng tạo nên thể loại khúc ngâm, việc lựa chọn và sử dụng câu thơ có độ dài

ngắn khác nhau để sáng tạo nên thể loại hát nói, việc sử dụng rộng rãi câu văn nói để sáng tạo nên thể loại kịch bản tuồng.

Quá trình hình thành và phát triển của câu thơ, câu văn tiếng Việt, của thể loại văn học tiếng Việt chính là biểu hiện quá trình vận động và phát triển của lịch sử văn học trong thời trung đại.

Thể “thất ngôn xen lục ngôn” có thể xuất hiện từ thế kỷ XIII, thịnh đạt ở thế kỷ XV - XVI, là cơ sở tạo nên thơ Nôm trữ tình thế kỷ XV, với các tác gia Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, thơ Nôm giáo huấn thế kỷ XVI với tác gia Nguyễn Bình Khiêm. Nó còn tiếp tục tới thế kỷ XVII-XVIII trong sáng tác của Trịnh Căn, Nguyễn Hữu Chỉnh... Đặc điểm của thể thơ này là so với thơ thất ngôn luật của Trung Quốc, nó có cách gieo vần và nhịp ngắt rất phong phú, đa dạng, phù hợp với việc diễn tả đời sống tâm hồn, những tâm sự có nhiều uẩn khúc, những nỗi niềm nhiều dằn vặt, giằng xé trong lòng người của người Việt [2, 6, 8, 9, 10, 14].

Thể “lục bát” có nhiều khả năng xuất hiện ở thế kỷ XVI. Nó là cơ sở cho sự hình thành và phát triển của thể văn như *Lâm tuyền văn* của Phùng Khắc Khoan ở thế kỷ XVI, *Tư Dung văn* và *Ngoạ Long cương văn* của Đào Duy Từ ở thế kỷ XVII, thể loại diễn ca lịch sử với *Thiên Nam ngữ lục* của tác giả KD thế kỷ XVII, và *Đại Nam quốc sử diễn ca* của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái thế kỷ XIX. Thể “lục bát” có vai trò đặc biệt nhất là ở chỗ nó làm cơ sở cho sự hình thành và phát triển thể loại truyện thơ. Truyện thơ lục bát được xem là thể loại lớn nhất của văn học Việt Nam giai đoạn thế kỷ XVI - XIX, cũng như của văn học Việt Nam cổ. Thành tựu của nó được ghi nhận bởi những tên tuổi lớn, như Nguyễn Huy Tự và Nguyễn Thiện với *Truyện Hoa Tiên*, Phạm Thái với *Sơ kính tân trang*, Nguyễn Du với *Truyện Kiều*, Nguyễn Đình Chiểu với *Lục Vân Tiên*... Cùng hàng loạt tác phẩm KD bất hủ khác như *Phan Trần*, *Tống Chân Cúc Hoa*, *Phạm Tải Ngọc Hoa*, *Nhị Độ Mai*, *Thạch Sanh*.... Một "phong trào" sáng tác truyện thơ nôm diễn ra sôi nổi trong suốt thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. Đặc điểm của thể lục bát là khả năng kéo dài vô tận của cặp câu thơ, vần điệu lặp lại mà rất dễ đổi thay, phù hợp cho việc diễn tả những câu chuyện, những số phận. Nó vừa cô đúc lại vừa dàn trải, vừa kiệm ngôn trong đánh giá, khái quát, lại cũng có thể “lắm lời” khi đi vào các tình huống, các chi tiết tỷ mỉ của câu chuyện. Trong ba yếu tố cốt truyện, tình tiết, nhân vật, nó coi trọng cốt truyện và nhân vật.

Thể “song thất lục bát” có lẽ xuất hiện và tăng trưởng đồng thời, song song với thể “lục bát”, tức là từ khoảng thế kỷ XVI đến XIX. Khác với sự luân phiên của cặp câu sáu tám trong thơ “lục bát”, ở đây là sự luân phiên của hai cặp câu bảy bảy sáu tám, với nhịp ngắt chuyển đổi cả ở vần lưng và vần chân liên hoàn vừa trang nghiêm lại vừa dàn trải. Thể STLB là cơ sở tạo nên các tiểu thể loại *văn*, *ngâm*, *khúc*, *vinh*. Thể *vinh* với *Tứ thời khúc vinh* của Hoàng Sĩ Khải. Thể *văn* với *Ai tư văn* của Lê Ngọc Hân thế kỷ XVIII. Thể *ngâm* với *Chinh Phụ Ngâm* của Đoàn Thị Điểm, *Cung oán ngâm* của Nguyễn Gia Thiều thế kỷ XVIII, *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thận thế kỷ XIX, thể *khúc* thì như *Tự tình khúc* của Cao Bá Nhạ thế kỷ XIX... Các thể *văn*, *ngâm*, *khúc*

đều sử dụng câu thơ STLB. Về thể loại, chúng có đặc điểm giống nhau, không chỉ là ở câu thơ. Đây là những thể loại văn học có đặc điểm chung là diễn tả thiên về tâm trạng trữ tình có nhiều uẩn khúc, trắc trở. Nó không chú trọng tới cốt truyện và tình tiết, mà chú trọng diễn tả dòng mạch của cảm xúc trữ tình, và thường thiên về tâm sự u buồn, hoài niệm, nỗi đau xót, đắng cay, thất vọng. Nó thường là lời ca bi ai, hay là lời than khóc sâu oán.

Thể "hát nói" xuất hiện muộn hơn, và thịnh hành ở cuối thế kỷ XVIII đầu XIX. Đặc điểm của nó là sự chuyển đổi của các câu thơ dài ngắn khác nhau, các câu thơ thất ngôn đan xen các câu thơ bát ngôn (thường có cặp thất ngôn bằng chữ Hán chen vào giữa như một định đề khái quát). Số câu trong bài không cố định, thường di động trong khoảng từ 10 tới 20 câu. Thông thường là 11 câu, và bao giờ cũng kết thúc chỉ bằng một câu sáu chữ. Nó là thể loại dùng để diễn xướng, gắn với nhạc cụ. Nên nó vừa là thơ, vừa là hát, vừa là nói. Đây là thể loại khá phóng túng thường được các nghệ sĩ tài tử thế kỷ XIX sử dụng. Tiêu biểu nhất là Nguyễn Công Trứ. Câu thơ của hát nói trầm bổng thất thường. Lời thơ khi tự do, lúc trói buộc. Câu kết lục có một ý nghĩa rất đặc biệt, như sự khép lại của một lời ca, mà dư hưởng vẫn rất mênh mang, đầy uẩn khúc, bí ẩn...

Tuồng là một loại hình *kịch hát* dân tộc, có sự hội nhập giữa nghệ thuật diễn xướng truyền thống và nghệ thuật ca kịch, ký khúc Trung Quốc. Tuồng xuất hiện từ thời Trần, đến thời Lê, nó bị đui ra khỏi cung đình, trở thành một nghệ thuật bị khinh rẻ. Tuồng được khôi phục ở Đàng Trong vào thời chúa Nguyễn, thế kỷ XIX. *Kịch bản tuồng* trở thành một thể loại văn học dân tộc quan trọng. Có lẽ nó là thể loại sử dụng rộng rãi nhất câu văn nói tiếng Việt. Các tác giả tiêu biểu là Đào Tấn, Nguyễn Bá Nghi, Nguyễn Diêu, Nguyễn Gia Ngọa, Bùi Hữu Nghĩa...

Thể loại văn học cũng gắn bó chặt chẽ với sự xuất hiện và phát triển của các khuynh hướng văn học, của các mốc văn học, với các tác gia văn học lớn, với văn học chức năng và văn học phi chức năng, cũng như với nhiều vấn đề khác nữa của lịch sử văn học [6].

Câu chuyện về thể loại văn học thời trung đại ở Việt Nam là một câu chuyện hấp dẫn nhưng phức tạp. Vai trò của nó trong việc nhận thức những giá trị của các tác phẩm văn học, những đóng góp của các tác gia văn học, hay diễn tiến của cả tiến trình lịch sử văn học dân tộc, là điều thật đáng để chúng ta tiếp tục bàn thảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huệ Chi, *Khảo luận văn bản, Thơ văn Lý - Trần*, T.I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977.
2. Trương Chính, Cha ông ta đã vận dụng các thể loại văn học Trung Quốc như thế nào vào thơ Nôm? *Tạp chí Văn học*, số 2(1973).
3. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
4. Lê Quý Đôn, *Vân đài loại ngữ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976.

- Lưu Hiệp, *Văn tâm điều long*, Trung Hoa thư cục, Thượng Hải, 1952. (Bản dịch của Piao Ngọc và Đinh Gia Khánh).
- Nguyễn Phạm Hùng, *Văn học Lý - Trần, nhìn từ thể loại*, NXB Giáo dục, H. 1996; *Các thể loại văn học Nôm thời Tây Sơn*, trong *Văn thơ Nôm thời Tây Sơn*, NXB Khoa học Xã hội, H. 1997; *Thơ Thiên Việt Nam - Những vấn đề lịch sử và tư tưởng nghệ thuật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H. 1998; *Văn học Việt Nam - Từ thế kỷ X đến thế kỷ XX (Nhìn từ thể loại)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H. 1999, Quan niệm về lịch sử văn học như thế nào? *Tạp chí Văn học*, số 12(2000); *Trên hành trình văn học trung đại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H. 2001; Trở lại vấn đề xác định vị trí của thể thơ thất ngôn xen lục ngôn trong văn học Việt Nam thời trung đại, *Tạp chí Văn học*, số 12(2001); Vấn đề nghiên cứu và giảng dạy văn học theo thể loại ở đại học hiện nay, *Giáo dục và Thời đại*, số 153, ngày 22-12-2001...
- Vương Lực, *Cổ đại Hán ngữ*, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1964.
- Phạm Luận, Thể loại thơ trong Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi và thi pháp Việt Nam, *Tạp chí Văn học*, số 4(1991).
- Phạm Luận, Nguyễn Phạm Hùng, Một vài nhận xét về mối quan hệ giữa thơ Nôm Nguyễn Trãi và thơ thất ngôn luật Đường ở Trung Quốc, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 3(1997).
- Đặng Thai Mai, Nguyễn Trãi, *Tạp chí văn học*, số 6(1976), tr. 141.
1. M.Bakhtin, *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội, 1992.
2. Diêu Nại, *Cổ văn từ loại toàn*, Dẫn theo Vương Lực, *Cổ đại Hán ngữ*, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1964.
3. Bùi Duy Tân, Vấn đề thể loại trong văn học Việt Nam thời cổ, *Tạp chí văn học*, số 3(1976).
4. Hoàng Trung Thông, Nguyễn Huệ Chi, *Vị trí Nguyễn Trãi trong lịch sử văn học*, trong *Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc*. NXB Khoa học Xã hội, H., 1980, tr.305.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XVIII, N^o3, 2002

EXCHANGING VIEW AGAIN ABOUT KINDS OF LITERATURE IN VIETNAMESE MIDDLE AGES LITERATURE

Dr. Nguyen Pham Hung

College of Social Sciences & Humanities - VNU

Literary genre in Vietnamese Middle Ages literature is a complex issue. Although this has been the concern of many researchers, there have not been any unanimous agreements. This article attempts to re-examine this issues of literary genre, from the tem to the conception, from exported to domestic genres. Special attention is also paid to the role of genre in studying the history of literature.